TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2017/HNGĐ-PT.
Ngày: 09/10/2017.
V/v: "Xin ly hôn và chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hường**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hường**;

Bà **Ngô Thị Minh Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Cao Phương Bình -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 và ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2016/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2016 về "Xin ly hôn và chia tài sản chung".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2016/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 208/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông ***Lý Đình Ng,*** sinh năm 1934.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông ***Lý E***, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư ***Trương Minh Trí*** - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Luật sư ***Tiêu Tường Thái*** - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà ***Huỳnh Thị H***, sinh năm 1936 (Chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

- Ông ***Lý Cao Ph***, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số 109, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- Ông ***Lý Cao Q***, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 140, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- Ông ***Lý Văn T***, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 140, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- Bà ***Lý Mỹ M***, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- Bà ***Lý Thị L***, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 15/3C đường T, phường 1, thành phố R, Kiên Giang.

- Bà ***Lý Mỹ Â***, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- Bà ***Lý Mỹ Ch***, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Người giám hộ cho bà Lý Mỹ Ch: Ông Lý Cao Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông ***Lý Cao Ph***, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 109, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Cao Ph và bị đơn: Luật sư ***Phạm Anh Vũ*** - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Ông ***Lý Cao Q***, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 140, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- Ông ***Lý Văn T***, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 140, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lý Đình Ng, bị đơn bà Huỳnh Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T.

NHẬN THẤY:

*** Nguyên đơn ông Lý Đình Ng trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1966 ông và bà Huỳnh Thị H chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1983 ông và bà H ly thân đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 07 người con chung gồm: Lý Cao Ph, Lý Văn T, Lý Cao Q, Lý Mỹ M, Lý Mỹ L, Lý Mỹ Tr (Lý Mỹ Ch) và Lý Mỹ Â. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung bao gồm:

1/ Vị trí thứ nhất: Thửa số 28, diện tích 13.546m^2, loại đất biền lá; Thửa số 29, diện tích 1.339m^2, loại đất thổ vườn; Thửa số 30, diện tích 861m^2, loại đất công nghiệp. Ba thửa đất nêu trên thuộc tờ bản đồ số 2. Ngoài ra, còn thửa đất số 81, thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 896,3m^2 đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

2/ Vị trí thứ hai: Gồm thửa số 61, diện tích 872m^2, loại đất biền lá; Thửa số 62, diện tích 1.608m^2, loại đất thổ vườn; Thửa số 63, diện tích 11.404m^2, loại đất công nghiệp; đều thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Tất cả các diện tích đất nêu trên là khoảng 28 công và đều chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất. Ông khẳng định vị trí đất thứ hai là ông trực tiếp đi mua và trả cho ông Quách Bạc K 05 cây vàng 24K nhưng hiện nay ông Ng đã bỏ mất giấy. Còn vị trí đất thứ nhất là do mẹ ông Ng là bà Trần Thị Ê để lại cho ông Ng và bà H. Ông yêu cầu chia tài sản chung nêu trên theo pháp luật.

Về nợ chung: Ông xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Như ông Lý Đình Ng trình bày. Bà đồng ý ly hôn với ông Ng.

Về tài sản: Như ông Ng trình bày. Tuy nhiên bà không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của ông Ng vì diện tích đất tại vị trí thứ nhất là do ông Ng bỏ đi nên mẹ ông Ng là bà Trần Thị Ê đã để lại cho bà để nuôi con, còn diện tích đất tại vị trí thứ hai là do bà và con là Lý Cao Ph mua của ông Quách Bạc K (Mộc K) với giá 05 cây vàng 24k, bà mượn mẹ ruột 02 cây vàng 24k, hùn với ông Ph bỏ ra 03 cây vàng 24K. Bà yêu cầu công nhận 40% thửa đất biền lá và 40% thửa đất rẫy thuộc vị trí thứ hai theo đo đạc thực tế là của bà vì bà và ông Ph đã bỏ vàng ra mua của ông Quách Bạc K vào năm 1990 và phần đất thuộc vị trí đất thứ nhất của mẹ ông Ng cho bà là thuộc quyền sử dụng của bà. Hiện ở vị trí đất thứ nhất có 02 căn nhà của Lý Văn T và Lý Cao Q đang sinh sống chung cùng bà.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

***Ông Lý Cao Ph trình bày*:** Ông là con của ông Ng và bà H. Đối với thửa đất vị trí thứ nhất thì của mẹ ông là bà Huỳnh Thị H, vì đó là tài sản của bà nội ông là bà Trần Thị Ê (chết năm 1993) cho mẹ ông để nuôi các anh chị em ông vì ông Ng đã bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác từ năm 1983. Đối với thửa đất ở vị trí thứ hai thì ông xác định là do ông trực tiếp đứng ra giao dịch và đưa ra 03 cây vàng 24K cùng bà H để mua đất của ông Quách Bạc K với giá 05 cây vàng vào năm 1990, có làm giấy tay, hiện ông Ph đang giữ giấy. Nếu ông Ng cho rằng của ông Ng thì ông Ng phải chứng minh được, nếu ông Ng không có chứng cứ thì yêu cầu xử theo pháp luật. Trên 02 thửa đất nêu trên thì ông và bà H có trồng khóm, dừa, cau từ năm 1990 nhưng cụ thể số lượng từng loại cây thì ông không biết rõ. Cây trồng hàng năm thì ông và bà H thu hoạch. Hiện nay

ở vị trí đất thứ nhất có 02 căn nhà của bà H cùng với Lý Văn T, Lý Cao Q và các cháu đang sinh sống trên đó.

Ông yêu cầu Tòa án công nhận 60% thửa đất biền lá và 60% thửa đất rẫy thuộc vị trí thứ hai là của ông.

Ông Lý Cao Q trình bày:

Năm 1983, cha ông là ông Lý Đình Ng bỏ nhà đi cưới vợ khác. Bà nội ông tên Trần Thị Ê cho mẹ ông 01 thửa đất biền lá và đất rẫy (trên 15 công) có 01 căn nhà cột cau, lợp lá (nay đã cất nhà tường), trên đất trồng lá, cau, dừa, khóm. Bà H và ông, ông T và các cháu ở chung trên đất. Ông có bỏ công sức tôn tạo miếng đất biền lá khoảng 110.000.000 đồng - 120.000.000 đồng (tương đương ½ giá trị diện tích đất biền lá), tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh. Ông có trồng trọt, cải tạo trên đất, hàng năm bà H cùng ông và ông Q hưởng hoa lợi. Phần đất này có đo vẽ nhưng chưa được cấp giấy. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông Ng vì phần đất ở vị trí thứ nhất là của bà nội ông cho mẹ ông, do ông có công tôn tạo, san lấp mặt bằng nên mẹ ông cho ông ½ đất biền lá, còn phần đất rẫy thì mẹ ông cho ông 10 công. Khi mẹ ông cho không làm giấy tờ, chỉ nói miệng với ông. Do đó ông yêu cầu công nhận cho ông ½ thửa đất biền lá thuộc vị trí thứ nhất theo diện tích đo đạc thực tế và công nhận 10 công đất rẫy là của ông.

Ông Lý Văn T trình bày:

Đối với tài sản mà cha mẹ ông là ông Ng và bà H đang tranh chấp thì bà H cho ông canh tác ½ miếng đất vị trí thứ nhất, cho bằng miệng và không có làm giấy tờ và chưa sang tên. Ông đang sinh sống chung 01 nhà với bà H cùng các anh em trên vị trí đất thứ nhất. Ông không có yêu cầu và ý kiến gì trong vụ án này.

*** Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2016/HNGĐ-ST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Đình Ng về yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung là các thửa đất sau: Thửa 79, tờ bản đồ 05 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 16.005m^2; thửa 1707, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 1.570m^2; Thửa 81, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế là 898,30m^2; thửa 1730, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế là 12.886,2 m^2; thửa 1729, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 1.088,6 m^2 cùng tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Bác yêu cầu của bà H yêu cầu công nhận phần đất thuộc vị trí đất thứ nhất (thửa 1707, tờ bản đồ 06; thửa 79, tờ bản đồ 05 và thửa 81, tờ bản đồ 05; tổng diện tích theo đo đạc thực tế 18.473,30m^2) và 40% thửa đất biền lá (thửa 1729, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế 1.088,6 m^2) cùng 40% thửa đất rẫy

(thửa 1730, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế 12.886,2 m^2) thuộc vị trí thứ hai đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng của bà.

Bác yêu cầu của ông Ph yêu cầu công nhận 60% thửa đất biền lá (thửa 1729, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế 1.088,6 m^2) cùng 60% thửa đất rẫy (thửa 1730, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế 12.886,2 m^2) thuộc vị trí thứ hai đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng của ông.

Bác yêu cầu của ông Lý Cao Q yêu cầu công nhận ½ thửa đất biền lá (thửa 1707, tờ bản đồ 06; diện tích theo đo đạc thực tế 1.570m^2) và 10 công đất rẫy (thửa 79, tờ bản đồ 05, diện tích theo đo đạc thực tế 16.005 và thửa 81, tờ bản đồ 05 diện tích đo đạc thực tế là 898,30m^2) thuộc vị trí đất thứ nhất đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng của ông.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa ông Lý Đình Ng và bà Huỳnh Thị H.

- Về con chung: Do các con ông Ng và bà H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Xử chia cho ông Lý Đình Ng được quyền sử dụng các thửa đất gồm:

Thửa 1729, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 1.088,6 m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang có vị trí được giới hạn bởi các điểm từ 25 đến 28, cụ thể như sau: cạnh 25-26 = 44m giáp đất Lâm Thành T; cạnh 26-19 = 23,47m giáp sông Cái E; cạnh 27-28 = 46,60m giáp hãng nước đá Phát Vinh; cạnh 28-25 = 24,70m giáp lộ Bê tông. Thửa 1730, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế là 12.886,2 m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang có vị trí được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 24, cụ thể như sau: Cạnh 1-2 = 156,28m, cạnh 2-3 = 47,11m, cạnh 3-4 = 25,66m, cạnh 4-5 = 4,84m, cạnh 5-6 = 7,83m, cạnh 6-7 = 207,88m, cạnh 7-8 = 23m, cạnh 8-9 = 53,08m, cạnh 9-10 = 43,36m giáp đất ông Lâm Thành T; cạnh 10-11 = 23,15m giáp lộ Bê tông; cạnh 11-12 = 14,88m, cạnh 12-13 = 29,38m, cạnh 13-14 = 16,17m, cạnh 14-15 = 8,47m, cạnh 15-16 = 5,95m, cạnh 16-17 = 20,99m, cạnh 17-18 = 9,6m, cạnh 18-1 = 5,14m,cạnh 19-20 = 9,86m, cạnh20-21 = 6,87m, cạnh 21-22 = 49,59m, cạnh 22-23 = 13,18m, cạnh 23-24 = 378,30m giáp đất Trương Huệ M; cạnh 24-01 = 21,50m giáp mương rào A. Trên đất còn có các loại hoa màu: cây dừa, cau, khóm…Và ông Ng được quyền sở hữu các loại hoa màu gắn liền trên 02 thửa đất nêu trên: dừa, cau, khóm…

Xử chia cho bà Huỳnh Thị H được được quyền sử dụng các thửa đất gồm:

Thửa 79, tờ bản đồ 05 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 16.005m^2 (HL ATGT: 95,0m^2), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang có vị trí được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 18, cụ thể như sau: Cạnh 1-2 = 9,38m, cạnh 2-3 = 26,79m giáp đất Huỳnh T Nh; cạnh 3-4 = 9,93m, cạnh 4-5 = 34,05m giáp đất Huỳnh Gia H1 và Huỳnh Tú L1; cạnh 5-6 = 135,69m giáp phần ranh chưa thống nhất với các hộ gồm Dư S1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Gia H3, Huỳnh Gia H1, Dư Mộc H5; cạnh 6-7 = 155,12m giáp đất Trương Thoại H4; cạnh 7-8 = 39,39m, cạnh 8-9 = 54,23m, cạnh 9-10 = 58,53m, cạnh 10-11 = 34,8m giáp đất Trương Thoại H4; cạnh 11-12 = 23,91m giáp lộ Bê tông; cạnh 12-13 = 10,94m, cạnh 13-14 = 30,65m, cạnh 14-15 = 114,04m, cạnh 15-16 = 98,25m, cạnh 16-17 = 21,76m, cạnh 17-18 = 182,8m, cạnh 18-1 = 77,49m giáp đất ông Lý M1. Trên đất còn có các loại hoa màu: cây dừa, cau, khóm…và các công trình gồm 02 căn nhà: nhà chính diện tích 12,2m x 9,3m = 113,46m^2, kết cấu móng BTCT, cột BTCT, nền lót gạch tàu, tường xây gạch dày 10cm + vách lá dừa nước, cửa đi, cửa sổ gỗ, kèo đòn tay gỗ, mái lợp tôn sóng vuông; hiện trạng đang xuống cấp nhiều (nền lún, tường bong tróc nhiều…); nhà sau diện tích 11,8m x 9,3m = 109,74m^2, kết cấu móng BTCT, cột BTCT, nền láng xi măng, tường xây gạch dày 10cm, không sơn, cửa đi, cửa sổ gỗ, kèo đòn tay gỗ, mái Fibro xi măng; phòng vệ sinh: nền láng xi măng, tường không sơn, cửa đi đóng tấm tôn, xí bệt hiện trạng đang có dấu hiệu xuống cấp nhiều (nền lún, nứt một vài nơi…). Mái che tạm: diện tích 6m x 8,5m =51m^2, nền đất, cột BTCT đúc sẵn, không vách, đòn tay gỗ tạp, mái lợp lá dừa nước.. hiện trạng nhà xuống cấp, xiêu vẹo, mái lá mục. Giếng khoan: loại có tay bơm, hiện trạng rỉ sét và đang sử dụng bình thường. Thửa 1707, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 1.570m^2 (HL ATGT: 690m^2), tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang có vị trí được giới hạn bởi các điểm từ 19-26, cụ thể như sau: cạnh 19-20 =2 ,5m, cạnh 20-21 = 9,7m; cạnh 21-22 = 13,08m, cạnh 22-23 = 13,48m, cạnh 23-24 = 15,1m giáp đất Trương Thoại H4; cạnh 24-25 = 33,51m giáp Sông Cái E; cạnh 25-26 = 50,9m giáp đất Lý M1; cạnh 26-19 = 23,75m giáp lộ Bê tông. Trên đất còn có các loại hoa màu: cây dừa, cau, khóm… Thửa 81, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế là 898,30m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang có vị trí được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 4, cụ thể như sau: Cạnh 1-2 = 13,50m giáp đất Lý M1; cạnh 2-3 = 60,50m giáp đất Lâm Văn M2; cạnh 3-4 = 16,10m giáp đất Trịnh K1; cạnh 4-1 = 61,0m giáp đất Trần Thành Ph. Và bà H được quyền sở hữu các tài sản (02 căn nhà, mái che tạm, giếng khoan…) và các loại hoa màu gắn liền trên 03 thửa đất nêu trên: dừa, cau, khóm…

Buộc ông Lý Đình Ng và bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ đến UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang làm thủ tục đăng ký, tách quyền sử dụng đất theo đúng diện tích thực tế được chia kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại tài sản (đất) có giá trị chênh lệch cho ông Ng là 406.005.500 đồng, ông Ng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H giá trị tài sản hoa màu trên đất ông được hưởng với số tiền là 738.689.600 đồng nhưng ông được khấu trừ số tiền của bà H nên ông Ng còn phải tiếp tục trả cho bà H số tiền là 332.684.100 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Ng không thanh toán cho bà H dứt số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Ng còn phải trả thêm cho bà H một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Buộc bà H và anh Ph phải giao trả tài sản đất và hoa màu trên đất được Hội đồng xét xử chia cho ông Ng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/6/2016 nguyên đơn ông Lý Đình Ng kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông Lý Đình Ng yêu cầu được nhận đất, mà ông không phải bồi thường cây trồng trên đất vì cây trái hoa màu trên đất do ông trồng, nếu bà Huỳnh Thị H có nhu cầu sử dụng diện tích đất ông được chia thì bà H trả cho ông giá trị diện tích đất theo giá thị trường hiện nay.

Ngày 07/6/2016 bị đơn bà Huỳnh Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lý Đình Ng về việc ly hôn chia tài sản và công nhận thửa đất số 28, 29, 30 và 01 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C là của bà và thửa đất số 61, 62 và 63 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C là của con bà Lý Cao Ph.

Ngày 06/6/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Cao Ph kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông Lý Cao Ph yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Ng, công nhận thửa đất số 61, 62, và 63 là của ông và bà H, vì các thửa đất này do ông và bà H nhận chuyển nhượng của ông K.

Ngày 03/6/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Cao Q kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông Lý Cao Q yêu cầu công nhận thửa đất số 28, 29, 30 và 01 cho bà H, còn các thửa đất số 61, 62 và 63 không đồng ý chia cho ông Ng.

Ngày 10/6/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông Lý Văn T xác định bà H đã cho ông ½ của 02 căn nhà trong đó có đất biền lá và đất rẫy các thửa số 28, 29, 30 và 01, nên không thể đưa vào tài sản

chung để chia cho ông Ng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bảo vệ quyền lợi của ông và bà H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với nội dung kháng cáo nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu không đồng ý bồi thường tiền hoa màu trên đất, trường hợp bà H nhận đất thì có nghĩa vụ trả giá trị đất theo giá thị trường cho ông Ng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, bản án sơ thẩm xác định hai vị trí đất là tài sản chung của ông Ng bà H để chia nhưng lại buộc ông Ng phải trả giá trị cây trồng trên đất được chia là chưa phù hợp, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Ng, sửa án sơ thẩm không buộc ông Ng trách nhiệm trả giá trị cây trồng trên đất.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và ông Ph xác định: Bản án sơ thẩm xác định vị trí đất thứ nhất là tài sản chung của ông Ng, bà H nhưng khi chia lại không xem xét đến công sức tu bổ, cải tạo đất của bà H và các con là chưa phù hợp. Đối với vị đất thứ hai về nguồn gốc đất, lời khai của ông Quách Bạc K có mâu thuẫn, cấp sơ thẩm chưa cho đối chất, việc đánh giá chứng cứ do các đương sự cung cấp chưa đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn và người liên quan.

Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Vị trí đất thứ nhất có nguồn gốc là của cha mẹ ông Ng nên xác định là tài sản chung để chia là phù hợp. Đối với vị trí đất thứ hai, không có cơ sở xác định là ông Ng bỏ tiền ra mua, phía bà H cung cấp biên nhận mua bán với ông Quách Bạc K nên có cơ sở xác định do bà H bỏ tiền ra mua trong thời gian ông Ng không cùng sống với bà H nên ông Ng yêu cầu chia đất ở vị trí thứ hai là không có cơ sở. Đối với vị trí đất thứ nhất ông Ng đồng ý giao cho bà H. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ng. Chấp nhận kháng cáo

của bà H và kháng cáo của ông Ph, ông Q và ông T. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị H chết nên căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H tham gia tố tụng gồm: Ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q, ông Lý Văn T, bà Lý Mỹ M, bà Lý Thị L, bà Lý Mỹ Â và bà Lý Mỹ Ch .

Bà Lý Mỹ Ch bị tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức theo Quyết định phúc thẩm số 99/2017/QĐDS-PT ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và người giám hộ cho bà Lý Mỹ Ch được chỉ định là ông Lý Cao Q, nên ông Lý Cao Q đại diện cho bà Lý Mỹ Ch tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

Bà Lý Mỹ M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T có đơn yêu cầu độc lập, nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trả lại đơn yêu cầu độc lập cho ông Ph, ông Q và ông T mà lại xem xét và không chấp nhận yêu cầu của họ là có thiếu sót. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2].Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lý Đình Ng và kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Do bà H chết nên quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Ng đã chấm dứt theo quy định tại Điều 65 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Ông Lý Đình Ng xác định tài sản chung của ông và bà H gồm các thửa đất theo đo đạc thực tế là:

- Thửa 1707, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.570m^2 (thửa cũ 30).
- Thửa 79, tờ bản dồ số 05, diện tích 16.005m^2 (thửa cũ 28,29).
- Thửa 81, tờ bản đồ số 05, diện tích 898,30m^2.
- Thửa 1729, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.088,6m^2 (thửa cũ 61).
- Thửa 1730, tờ bản đồ số 06, diện tích 12.886,2m^2 (thửa cũ 62, 63).

Các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Huỳnh Thị H lại xác định các thửa đất số 1707, 79 và 81 do mẹ ông Ng là bà Trần Thị Ê tặng cho bà H khi ông Ng ra sống riêng. Các thửa đất còn lại số 1729 và 1730 là do bà H và ông Lý Cao Ph nhận chuyển nhượng của ông

Quách Bạc K (trong đó bà H bỏ ra 20 chỉ vàng 24k và ông Ph bỏ ra 30 chỉ vàng 24k để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K). Nên bà H không đồng ý theo yêu cầu chia tài chung của ông Ng.

Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Ê (mẹ ông Ng) tặng cho bà H các thửa đất số 1707, 79 và 81 thuộc vị trí đất thứ nhất. Đồng thời, tại Bản tự khai ngày 15/01/2015, bà H xác định mẹ ông Ng chỉ giao các thửa đất này cho bà quản lý, canh tác để nuôi con cháu. Như vậy, không có căn cứ để xác định bà H đã được bà Ê cho riêng các thửa đất nêu trên. Việc ông Ng xác định các thửa đất số 1707, 79 và 81 có nguồn gốc của cha mẹ ông Ng để lại cho ông Ng và bà H và xác định là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 1729 và 1730 thuộc vị trí đất thứ hai, ông Ng khai do ông tự bỏ 05 cây vàng 24K ra mua của ông Quách Bạc K. Theo lời khai của ông Quách Bạc K cũng xác định ông chuyển nhượng đất cho ông Ng và nhận vàng chuyển nhượng từ ông Ng, không chuyển nhượng cho bà H (BL 36-37). Tuy nhiên, lời khai của ông K lại không thống nhất về việc khi chuyển nhượng đất hai bên có làm giấy tờ hay không? Khi thì ông K khai mua bán đất không làm giấy tờ, khi thì khai có làm giấy nhưng ông không nhớ cụ thể và hiện đã bỏ mất giấy tờ. Về phía bà H xác định, hai thửa đất này là do bà và ông Lý Cao Ph hùn vàng để nhận chuyển nhượng của ông Quách Bạc K, bà H bỏ ra 02 cây vàng 24K, ông Ph bỏ ra 03 cây vàng 24K. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ph chỉ có lời khai là ông trực tiếp giao dịch với ông K, ông là người viết giấy mua bán, ông là người ký tên trong giấy mua bán, do thời điểm đó ông không có hộ khẩu nên ông để cho mẹ ông là bà H đứng tên giao dịch và ký tên bà H. Bản thân những người em của ông Ph như ông Lý Cao Q thì cũng khai không trực tiếp chứng kiến sự việc chỉ nghe bà H nói lại, ông Lý Văn T lại khai chỉ nghe bà H nói bà H bỏ vàng ra mua, không nghe việc ông Ph có hùn vàng cùng mua. Theo lời khai của ông Trương Q xác định, vào năm 1990 ông Trương Q làm Phó Ban lãnh đạo ấp A, xã B, huyện C, ông có xác nhận vào Tờ ủy quyền giữa ông K và bà H với nội dung ông K ủy quyền cho bà H sở hữu phần hoa màu trên đất rẫy và phần lá, giấy ủy quyền là do ông K đem đến nhờ ông ký giùm, từ trước đến nay ông không thấy và không biết ông Ph giao dịch mua đất gì với ông K vì lúc đó ông Ph còn nhỏ. Ngoài ra, ông Ph không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh ông có hùn vàng cùng bà H chuyển nhượng đất của vợ chồng ông K. Mặt khác, tại biên nhận ngày 02/8/1990 (BL146) do ông Ph giữ và cung cấp, thể hiện chỉ có bà H thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 1729 và 1730 với ông K, không có ông Ph tham gia giao dịch và ký tên vào biên nhận nêu trên. Như vậy, có cơ sở xác định bà H là người giao dịch chuyển nhượng hai thửa đất 1729 và 1730 với ông K. Tuy nhiên, tại thời điểm xác lập giao dịch này, mặc dù theo lời khai các đương sự ông Ng đã bỏ đi không trực tiếp sống cùng bà H nhưng về mặt pháp lý quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông

Ng vẫn tồn tại. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, thì tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung nên có cơ sở xác định các thửa đất số 1729, 1730 là tài sản chung của bà H và ông Ng.

Việc ông Ng yêu cầu chia tài sản chung gồm các thửa đất nêu trên là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chia đều giá trị đất cho bà H và ông Ng là chưa xem công sức đóng góp của bà H vì trong khoảng thời gian ông Ng không trực tiếp quản lý, canh tác các thửa đất nêu trên, bà H đã cùng các con quản lý, canh tác và làm tăng giá trị đất, nên cần xem xét công sức làm tăng giá trị tài sản chung của bà H, nên cần thiết chia cho bà H được hưởng giá trị nhiều hơn ông Ng mới phù hợp quy định pháp luật và tính chất thực tế của vụ án, bà H cần được hưởng 6/10 giá trị quyền sử dụng đất, ông Ng được hưởng 4/10 giá trị quyền sử dụng đất.

Để đảm bảo quyền lợi của bà H cũng như các con bà H và sự tự nguyện của ông Ng, cần thiết giao cho bà H các thửa đất số 1707, 79, 81 thuộc vị trí đất thứ nhất có tổng diện tích 18.473,3m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang, giá trị đất theo kết quả định giá là 2.914.894.500 đồng. Trên đất có công trình kiến trúc và cây trồng do bà H và các con tạo dựng, giá trị công trình xây dựng trên đất theo kết quả định giá là 384.989.000 đồng, giá trị cây trồng trên đất thuộc thửa 1707 và 79 theo kết quả định giá là 800.600.000 đồng.

Đối với thửa đất 1729 và 1730, thuộc vị trí đất thứ hai có diện tích 13.974,8m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang, giá trị đất 2.102.883.500 đồng. Ông Ng có yêu cầu được nhận vị trí đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác định trên đất có ngôi mộ của bà H, những người kế thừa quyền và nghãi vụ tố tụng của bị đơn không đồng ý chia đất cho ông Ng, đại diện theo ủy quyền của ông Ng xác định trường hợp ông Ng không nhận được đất, thì yêu cầu nhận giá trị đối với phần ông Ng được hưởng theo kết quả định giá, theo quy định pháp luật.

Xét thấy, hai thửa đất số 1729 và 1730 thuộc vị trí đất thứ hai đều do bà H cùng các con trực tiếp quản lý, canh tác trồng cây trái và thu hoa lợi trên đất, do vậy cần thiết giao hai thửa đất này cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H tiếp tục quản lý, sử dụng đất và có nghĩa vụ giao trả ông Ng phần giá trị tài sản ông Ng được hưởng là phù hợp quy định pháp luật và tính chất thực tế của vụ án.

Tổng giá trị tài sản chung đối với quyền sử dụng đất của hai vị trí đất theo kết quả định giá là 5.017.778.000 đồng.

Như vậy, ông Ng được chia 4/10 giá trị đất bằng 2.007.111.200 đồng.

Do đó, kháng cáo của bà H và kháng cáo của ông Ng là có căn cứ chấp nhận một phần.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T không đồng ý chia quyền sử dụng đất cho ông Ng, yêu cầu xem xét đến

công sức đóng góp của bà H và các con trong quá trình cải tạo, quản lý sử dụng đất là có căn cứ chấp nhận một phần, như nhận định nêu trên.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất một phần ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lý Đình Ng, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Huỳnh Thị H; chấp nhận một phần ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ng, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2016/HNGĐ-ST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

*** Về án phí:**

- Án phí sơ thẩm:

Ông Lý Đình Ng phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, và án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được nhận 2.007.111.200 đồng là 72.000.000 đồng + (7.111.200 đồng x 2%) = 72.142.224 đồng. Tổng cộng là 72.342.224 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.677.000 đồng, ông Ng còn phải nộp số tiền 63.665.224 đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ nộp án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được nhận 3.010.666.800 đồng là 72.000.000 đồng + (1.010.666.800 đồng x 2%) = 92.213.336 đồng.

Ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T mỗi người phải nộp án phí 200.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Các đương sự được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên ông Lý Đình Ng, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H, ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm, các đương sự được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng.

*** Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá:**

- Chi phí đo đạc là 2.960.000 đồng, ông Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0080111 ngày 05/01/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C.

- Chi phí thẩm định giá là 11.000.000 đồng, ông Ng đã nộp theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000023 ngày 14/03/2016 của Công ty TNHH Định giá Thịnh Vượng.

Tổng cộng là 13.960.000 đồng. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H có trách nhiệm chịu 6/10 và có nghĩa vụ giao trả cho ông Ng số tiền là 8.376.000 (*Tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn)* đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 56, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang; Căn cứ các Điều 14, 142 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội .

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lý Đình Ng.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Huỳnh Thị H.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T.

- Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2016/HNGĐ-ST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Đình Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Lý Đình Ng và bà Huỳnh Thị H chấm dứt.

- Về tài sản chung:

+ Công nhận các thửa đất 1729, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 1.088,6m^2;

Thửa 1730, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế là 12.886,2m^2;

Thửa 79, tờ bản đồ 05, diện tích đo đạc thực tế là 16.005m^2 (HL ATGT: 95,0m^2);

Thửa 1707, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế là 1.570m^2 (HL ATGT: 690m^2);

Thửa 81, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế là 898,30m^2.

Các thửa đất này đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang có vị trí theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện C ngày 08/4/2015, ngày 07/7/2015 và trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 14/10/2015 là tài sản chung của ông Lý Đình Ng và bà Huỳnh Thị H.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất nêu trên theo kết quả thẩm định giá là 5.017.778.000 (Năm tỷ không trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

+ Chia cho ông Lý Đình Ng được hưởng 4/10 tổng giá trị tài sản chung bằng số tiền 2.007.111.200 *(Hai tỷ không trăm lẻ bảy triệu một trăm mười một nghìn hai trăm)* đồng.

+ Chia cho bà Huỳnh Thị H được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất gồm:

Thửa 1729, tờ bản đồ 06 có vị trí, diện tích đo đạc thực tế là 1.088,6m^2;

Thửa 1730, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế là 12.886,2m^2;

Thửa 79, tờ bản đồ 05, diện tích đo đạc thực tế là 16.005m^2 (HL ATGT: 95,0m^2);

Thửa 1707, tờ bản đồ 06, diện tích đo đạc thực tế là 1.570m^2 (HL ATGT: 690m^2);

Thửa 81, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế là 898,30m^2 và toàn bộ cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc trên tất cả các thửa đất nêu trên.

Các thửa đất này đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang có vị trí theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện C ngày 08/4/2015, ngày 07/7/2015 và trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 14/10/2015.

Tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H gồm: Ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q, ông Lý Văn T, bà Lý Mỹ M, bà Lý Thị L, bà Lý Mỹ Â và bà Lý Mỹ Ch quản lý, sử dụng đất và các công trình xây dựng, nhà ở, cây trồng trên đất đối với các thửa đất nêu trên.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H có quyền và nghĩa vụ đến Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang làm thủ tục để được đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H gồm: Ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q, ông Lý Văn T, bà Lý Mỹ M, bà Lý Thị L, bà Lý Mỹ Â và bà Lý Mỹ Ch (Lý Mỹ Tr) có nghĩa vụ giao cho ông Lý Đình Ng giá trị tài sản ông Ng được chia là 2.007.111.200 *(Hai tỷ không trăm lẻ bảy triệu một trăm mười một nghìn hai trăm)* đồng.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí:**

- Án phí sơ thẩm:

+ Ông Lý Đình Ng phải nộp án phí tổng cộng là 72.342.224 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.677.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 07176 ngày 29/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Kiên Giang, ông Ng còn phải nộp số tiền 63.665.224 *(Sáu mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi bốn)* đồng.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H gồm ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q, ông Lý Văn T, bà Lý Mỹ M, bà Lý Thị L, bà Lý Mỹ Â và bà Lý Mỹ Ch có nghĩa vụ nộp án phí có giá ngạch là 92.213.336 *(Chín mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi sáu)* đồng.

+ Ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q và ông Lý Văn T mỗi người phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn)* đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Lý Đình Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0009359 ngày 09/6/2016.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H gồm ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q, ông Lý Văn T, bà Lý Mỹ M, bà Lý Thị L, bà Lý Mỹ Â và bà Lý Mỹ Ch được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0007099 ngày 08/6/2016.

Ông Lý Cao Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền 0007097 ngày 06/6/2016.

Ông Lý Cao Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền 0007095 ngày 03/6/2016.

Ông Lý Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền 0009360 ngày 10/6/2016.

Tất cả biên lai nêu trên đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Kiên Giang.

*** Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá:**

- Chi phí đo đạc và thẩm định giá tổng cộng là 13.960.000 đồng, ông Lý Đình Ng đã nộp xong. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị H gồm ông Lý Cao Ph, ông Lý Cao Q, ông Lý Văn T, bà Lý Mỹ M, bà Lý Thị L, bà Lý Mỹ Â và bà Lý Mỹ Ch có trách nhiệm chịu 6/10 và có nghĩa vụ giao trả cho ông Ng số tiền là 8.376.000 (*Tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn)* đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (09/10/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hoàng Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.